



# HOẠT ĐỘNG BAO THANH TOÁN

## Thông lệ quốc tế và pháp luật Việt Nam

ThS. NGUYỄN THỊ THANH TÚ

**T**rong các năm 2010 và 2011, kinh tế thế giới nói chung và ngành tài chính ngân hàng nói riêng vẫn đang trong quá trình khôi phục. Trong bối cảnh đó, các con số 1 283 559 tỷ EUR năm 2009 và 1 648 229 tỷ EUR năm 2010 về giá trị giao dịch, đạt mức tăng trưởng gần 30% của hoạt động bao thanh toán (BTT), một số quốc gia có hoạt động BTT phát triển như Pháp đạt doanh thu 153 252 triệu EUR, Italia 143 745 triệu EUR, Trung Quốc 154 550 triệu EUR năm 2010 đã cho thấy tiềm năng phát triển của loại hình hoạt động này<sup>(1)</sup>.

Tại Việt Nam, nghiệp vụ BTT mới phát triển trong một vài năm gần đây và mức giao dịch còn khiêm tốn. Theo số liệu thống

kê của Hiệp hội Bao thanh toán quốc tế, tổng giao dịch BTT của Việt Nam được thực hiện năm 2011 là 67 triệu EUR, trong đó 42 triệu EUR (chiếm 62%) là hoạt động BTT trong nước<sup>(2)</sup>. Trong khi đó một số quốc gia trong khu vực như Singapore tại cùng thời điểm năm 2010 đã đạt mức giao dịch 5.800 triệu EUR, Thái Lan 2.095 triệu EUR<sup>(3)</sup>.

Những con số về giá trị giao dịch của hoạt động BTT trên đây đã đặt ra câu hỏi cho Việt Nam trong phát triển một loại hình hoạt động mới. Thế giới đã đi những bước dài, nhưng tại Việt Nam, BTT vẫn được coi là nghiệp vụ ngân hàng đang trong giai đoạn "chập chững" ngay từ cơ chế.

Trước thực tế như vậy, bài viết này tập trung phân tích khái niệm hoạt động BTT

của pháp luật Việt Nam so sánh với quan điểm của thế giới, đánh giá những điểm tương đồng và không tương thích nhằm đưa ra kiến nghị góp phần hoàn thiện nội dung pháp luật liên quan, tạo điều kiện cho sự phát triển hình thức này trong tương lai.

Ra đời từ khá sớm trong sự phát triển của nền sản xuất hàng hoá, những hình thức cơ bản của BTT đã xuất hiện cách đây hàng ngàn năm. Xuất phát từ hoạt động đại lý hưởng hoa hồng khoảng 2000 năm trước dưới thời đế chế La Mã, đến thế kỉ XIX, hoạt động BTT đã phát triển khá mạnh thông qua các nhà đại lý thanh toán ngành dệt may của Mỹ, ngành công nghiệp điện, hóa chất, sợi tổng hợp... Rất nhiều nước trên thế giới sử dụng BTT như một giải pháp tối ưu nhằm thúc đẩy quá trình buôn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ diễn ra thuận lợi và hiệu quả hơn.

Ngày nay, BTT đang trở thành một thuật ngữ phổ biến trong giao dịch thương mại. BTT (factoring) được sử dụng để chỉ hoạt động tài chính trọn gói được cung cấp bởi các tổ chức thường là tổ chức tài chính. Các tổ chức cung ứng dịch vụ BTT thông qua việc thỏa thuận mua lại khoản phải thu của bên bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ sẽ tiến hành các hoạt động tài trợ vốn, theo dõi sổ sách và thu hồi nợ, phòng ngừa rủi ro nợ xấu cho bên bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và hưởng phí và lãi suất đối với dịch vụ mình cung cấp. Khi người mua và người bán trong hợp đồng cơ sở (hợp đồng mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ) ở hai nước khác nhau thì giao dịch này được là BTT quốc tế.

Khái niệm BTT như trên được ghi nhận phổ biến trên thế giới:

Theo Điều 1, chương I, Công ước Ottawa 1988 về BTT quốc tế xác định, trong quan hệ BTT đơn vị BTT cùng với việc nhận chuyển giao khoản phải thu phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ người cung cấp, sẽ phải thực hiện ít nhất hai trong số các hành vi sau:

- Tài trợ cho người cung cấp, bao gồm cả việc cho vay hay trả tiền trước;
- Thực hiện các hoạt động kế toán, sổ sách liên quan đến khoản phải thu;
- Thu tiền đối với khoản phải thu;
- Tiến hành các biện pháp bảo đảm rủi ro không thanh toán được của bên mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ.

Hiệp hội bao thanh toán quốc tế (FCI –



Factors Chain International), tổ chức được thành lập từ năm 1968, đến nay đã thu hút sự tham gia của các thành viên từ gần 70 quốc gia. Tại điều 1 những quy định chung về hoạt động BTT quốc tế ấn bản tháng 06 năm 2010 ( General Rule for International Factoring Version FCI June 2010 - GRIF) của Hiệp hội, cũng xác định hoạt động BTT

là hoạt động theo đó nhà cung cấp có thể hoặc sẽ chuyển nhượng các khoản phải thu (hay một phần của các khoản phải thu) cho một đơn vị BTT, có thể vì hoặc không vì mục đích tài trợ, để thực hiện ít nhất một trong các chức năng sau: (1) kế toán sổ sách các khoản phải thu; (2) thu nợ các khoản phải thu; (3) phòng ngừa rủi ro nợ xấu.

Như vậy, hoạt động BTT theo quan niệm thế giới được coi là một dịch vụ tài chính kết hợp việc tài trợ vốn lưu động, phòng ngừa rủi ro tín dụng, theo dõi công nợ và thu hồi nợ. Bốn nội dung này của hoạt động BTT được coi là các dấu hiệu chức năng cơ bản, chính vì vậy hoạt động BTT còn được coi là một phương thức hỗn hợp của thanh toán, tín dụng vào bảo

hiểm<sup>(4)</sup>. Một giao dịch BTT có thể bao gồm toàn bộ bốn dấu hiệu (BTT đầy đủ), nhưng không phải bắt buộc. Ví dụ, tài trợ vốn, là hoạt động quan trọng trong BTT, tuy nhiên trong GRIF của FCI đã chỉ rõ việc chuyển nhượng các khoản phải thu có thể vì hoặc không vì mục đích tài trợ. Thực tế, đơn vị BTT có thể chỉ cung cấp dịch vụ BTT đến

hạn tức sẽ cung cấp toàn bộ các chức năng trừ chức năng tài trợ vốn.

Tại Việt Nam, hoạt động BTT lần đầu tiên được ghi nhận tại Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN ban hành Quy chế về hoạt động BTT ngày 06/09/2004 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Theo Quy chế, BTT được xác định là "một hình thức cấp tín dụng của tổ

chức tín dụng cho bên bán hàng thông qua việc mua lại các khoản phải thu phát sinh từ việc mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ đã được bên bán hàng và bên mua hàng thoả thuận trong hợp đồng mua, bán hàng". Cùng với sự phát triển của hoạt động ngân hàng và sự phát triển nhanh của giao dịch hàng hóa, cung ứng dịch vụ quốc tế sau khi Việt Nam gia nhập WTO, ngày 16/10/2008, Ngân hàng nhà nước ban

hành Quyết định số 30/2008/QĐ - NHNN sửa đổi bổ sung quyết định số 1069/2004/QĐ-NHNN, theo đó đối tượng hợp đồng BTT đã được mở rộng hơn bao gồm "các khoản phải thu phát sinh từ việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ".

Với khái niệm về hoạt động BTT tại Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN, được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 30/2008/QĐ-NHNN, hoạt động BTT tại Việt Nam được xác định là một hoạt động cấp tín dụng được thực hiện bởi chủ thể duy nhất là các tổ chức tín dụng (TCTD). Trong đó hoạt động cấp tín dụng theo quy định tại Luật TCTD năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004 (văn bản có hiệu lực cùng thời điểm) là việc TCTD sử dụng số tiền từ nguồn vốn tự có, nguồn vốn huy động để chuyển giao hoặc sẽ chuyển giao cho khách hàng sử dụng với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi. Như vậy, chức năng cấp tín dụng trong quan hệ BTT chính là việc tổ chức cung ứng dịch vụ BTT tiến hành tài trợ dưới dạng tạm ứng cho người bán dựa trên giá trị các khoản phải thu. Người bán (bên cung ứng) có quyền thu đối với một khoản thu trong tương lai, và khoản phải thu này là cơ sở để đơn vị BTT tạm ứng trước cho đơn vị cung ứng một số tiền (thường là tỷ lệ 80% khoản phải thu trở lên). Đây được coi là một ưu điểm hàng đầu của hoạt động BTT, và nguồn gốc của tên gọi hình thức "tài trợ vốn ngắn hạn" của hoạt động BTT. Trên thế giới, ở một số tổ chức BTT chuyên nghiệp, bên cung ứng thậm chí có thể nhận được tiền ngay trong ngày để nghị BTT.

Tuy nhiên, cùng với việc xác định là một hoạt động tín dụng, quan niệm BTT tồn tại một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, việc gắn hoạt động BTT với hoạt động cấp tín dụng vô hình chung đã coi BTT chỉ đơn thuần là hoạt động tài trợ vốn thông qua việc "mua lại" các khoản phải thu và thu hộ số tiền này. Quan niệm này không thống nhất với quan niệm phổ biến trên thế giới.

So sánh nội dung hoạt động BTT theo Quy chế BTT với Công ước Ottawa và GRIF của FCI, có thể thấy, hoạt động BTT theo Quy chế BTT giới hạn hơn so với quy định quốc tế. Hoạt động BTT theo pháp luật Việt Nam chỉ đề cập đến chức năng tài trợ vốn mà không hề đề cập đến các chức năng khác như theo dõi sổ sách và bảo

**...Việc nhìn nhận hoạt động BTT trong phạm vi hẹp hơn của pháp luật Việt Nam không chỉ ảnh hưởng tới sự phát triển hoạt động BTT của các tổ chức cung ứng dịch vụ BTT khi mà chỉ giới hạn trong việc "cấp tín dụng" mà còn làm giảm tính hấp dẫn của hoạt động BTT đối với các tổ chức tài chính...**



Hoạt động BTT nên được ghi nhận là hoạt động tài chính kết hợp việc tài trợ vốn lưu động, phòng ngừa rủi ro tín dụng, theo dõi công nợ và thu hồi nợ.



hiểm rủi ro. Việc nhìn nhận hoạt động BTT trong phạm vi hẹp hơn của pháp luật Việt Nam không chỉ ảnh hưởng tới sự phát triển hoạt động BTT của các tổ chức cung ứng dịch vụ BTT khi mà chỉ giới hạn trong việc "cấp tín dụng" mà còn làm giảm tính hấp dẫn của hoạt động BTT đối với các tổ chức tài chính. Trong giao dịch BTT quốc tế, lợi ích các tổ chức cung ứng dịch vụ BTT không chỉ từ phí (thường từ 0,5 – 1,1 % giá trị khoản phải thu) và lãi suất BTT mà còn từ phí quản lý đối với hoạt động quản lý sổ sách chứng từ liên quan đến các khoản phải thu, theo dõi công nợ, phí bảo hiểm rủi ro tín dụng (thường từ 0,3 – 0,9% giá trị hóa đơn).

Thứ hai, khi định nghĩa BTT là "hình thức cấp tín dụng của tổ chức tín dụng cho bên bán hàng thông qua việc mua lại các khoản phải thu" đã tạo sự khó hiểu vì quan hệ tín dụng và quan hệ mua bán là hai mối quan hệ không đồng nhất.

Nếu coi BTT là hoạt động cấp tín dụng thì khoản ứng trước chỉ là khoản cho vay, còn khoản phải thu vẫn là tài sản thuộc sở hữu của người bán. Điều này sẽ dẫn đến những rủi ro tiềm ẩn đối với đơn vị BTT trong việc chuyển giao quyền đòi nợ từ người bán sang đơn vị BTT.

Tuy nhiên, với việc xác định nội dung "mua lại các khoản phải thu" và coi có quan hệ mua bán trong giao dịch BTT thì vấn đề lại được hiểu sang một phương diện khác. Quan hệ mua bán theo quy định của luật Bộ luật Dân sự và Luật thương mại thì quyền sở hữu "hàng hóa" sau khi thực hiện giao dịch mua bán là bên mua.

Vậy, đâu là cách hiểu đúng trong khái niệm BTT theo pháp luật Việt Nam? Trong khi theo thông lệ chung của quốc tế, việc chuyển nhượng các khoản phải thu được xác định bao gồm việc chuyển nhượng toàn bộ các quyền và lợi ích liên quan đến các khoản phải thu (điều 11 quy định chung về hoạt động BTT quốc tế, FCI/2010). Cùng với việc chuyển nhượng toàn bộ này, việc quản lý và đòi nợ khoản phải thu khi đến hạn được đơn vị cung ứng dịch vụ BTT thực hiện dễ dàng và hiệu quả hơn. Cũng chính vì lý do đó, khoản phải thu là đối tượng trong giao dịch BTT phải đảm bảo tính chất có thể thu từ người mua một cách không điều kiện mà không cần sự tham gia của người bán và thời hạn thường ngắn hạn<sup>(5)</sup>. Ví dụ, khoản phải thu phát sinh từ

mua bán hàng hóa thương là hàng hóa không yêu cầu các dịch vụ hậu mãi hoặc bảo trì bảo hành như nguyên vật liệu, linh kiện và hàng tiêu dùng. Đối với dịch vụ phải là dịch vụ "hoàn chỉnh" tức được hoàn thành vào thời điểm giao hàng hoặc nghiệm thu dịch vụ và phải bao gồm toàn bộ các phí phát sinh. Tiêu chí hoàn chỉnh đặc biệt quan trọng đối với sản phẩm và dịch vụ bởi trong giao dịch BTT cũng giống như thanh toán thư tín dụng (L/C) dựa trên cơ sở chứng từ, bên cạnh đó các hóa đơn phải chuyển nhượng được, thu được một cách không điều kiện. Việc ràng buộc trách nhiệm của bên cung cấp đối với hàng hóa, dịch vụ sẽ ảnh hưởng và không đảm bảo được quyền lợi của đơn vị BTT và gây khó khăn cho việc thực hiện giao dịch. Bởi vậy pháp luật đã giới hạn thấp nhất trường hợp này. Trong khi đó, pháp luật Việt Nam vẫn chưa xác định rõ quyền sở hữu đối với khoản phải thu thuộc bên cung ứng dịch vụ BTT hay bên bán, rõ ràng đang tiềm ẩn rủi ro rất lớn đối với tổ chức cung ứng dịch vụ BTT.

Tuy có một số điểm không tương thích so với pháp luật quốc tế trong khái niệm hoạt động BTT nhưng Quy chế về hoạt động BTT đã ghi nhận được hai vấn đề quan trọng trong hoạt động BTT đó là quyền chuyển nhượng và quyền được chuyển nhượng các khoản phải thu của các bên tham gia và quy định người mua có nghĩa vụ thanh toán các khoản phải thu cho đơn vị BTT, đồng thời xác định một số quyền và nghĩa vụ cơ bản của các bên trong quan hệ BTT. Quy chế BTT đã tạo tiền đề và cơ sở để các TCTD bắt đầu đưa nghiệp vụ BTT vào dịch vụ cung ứng của mình và thực tế, từ năm 2005 các giao dịch BTT đã được thống kê<sup>(6)</sup>.

Cùng với sự phát triển của hoạt động ngân hàng, năm 2010, Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Luật các TCTD bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2011 thay thế cho Luật Tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ

sung năm 2004. Theo khoản 17 Điều 4 Luật các TCTD 2010 lần đầu tiên pháp luật công nhận và đưa ra khái niệm BTT tại văn bản có tính pháp lý cao nhất<sup>(7)</sup> như sau: "Bao thanh toán là hình thức cấp tín dụng cho bên mua hàng hoặc bên bán hàng thông qua việc mua lại có bảo lưu quyền truy đòi các khoản phải thu hoặc các khoản phải trả phát sinh từ việc mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ theo hợp đồng mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ."

Bên cạnh việc vẫn xác định hoạt động BTT là một hình thức cấp tín dụng chỉ do TCTD cung cấp, Luật các TCTD 2010 đã mở rộng hơn nữa đối tượng của hoạt động BTT không chỉ các khoản phải thu mà còn bao gồm các khoản phải trả. Tham gia vào giao dịch BTT, không chỉ bên bán hàng,

cung ứng dịch vụ có thể chuyển nhượng các khoản phải thu mà cả bên mua hàng, sử dụng dịch vụ cũng có thể chuyển nhượng các khoản phải trả cho tổ chức BTT. Pháp luật Việt Nam như vậy không chỉ xác định BTT là một hoạt động tín dụng mang bản chất của giao dịch chuyển nhượng quyền tài sản mà

còn có thể là một giao dịch chuyển nhượng nghĩa vụ tài sản (chuyển nhượng khoản phải trả). Vấn đề là, Luật TCTD năm 2010 từ khi ban hành đến nay chưa có văn bản nào hướng dẫn chi tiết, và như vậy thì việc mua lại "khoản phải trả" ở đây được thực hiện ra sao, các trình tự thủ tục chuyển giao và nghĩa vụ trả tiền của các bên liên quan được thiết lập theo cơ chế nào?

Tiếp theo, khái niệm BTT trong Luật TCTD được xác định trong mọi trường hợp là "có bảo lưu quyền truy đòi", điều này có nghĩa trong trường hợp đơn vị BTT không đòi được tiền từ người mua hàng thì đơn vị BTT có quyền truy đòi lại số tiền đã ứng trước hoặc đã thanh toán cho người bán hàng, cung ứng dịch vụ. Quy định về bảo lưu truyền truy đòi cho đơn vị BTT nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi của chủ thể này và

...Sự không tương thích về xác định nội dung hoạt động BTT với các quy định quốc tế dẫn đến giao dịch BTT quốc tế của các tổ chức Việt Nam gặp không ít khó khăn và giảm tính cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt giới hạn trong cung ứng dịch vụ BTT quốc tế...



xác nhận chức năng bảo hiểm rủi ro tín dụng. Tuy nhiên, pháp luật quốc tế chỉ xác định việc bảo hiểm rủi ro này là một trong các chức năng của BTT, tức các bên có thể lựa chọn có hoặc không việc bảo lưu quyền truy đòi. Như vậy, cùng với việc xác định tính bắt buộc của thỏa thuận quyền đòi tiền của đơn vị BTT đối với bên sử dụng dịch vụ, Luật TCTD đã giới hạn quyền tự do thỏa thuận của các chủ thể. Vấn đề này sẽ trở thành một rào cản và giảm tính cạnh tranh cho các tổ chức BTT tại Việt Nam khi cung ứng cách dịch vụ BTT quốc tế hoặc tham gia vào các hiệp hội quốc tế.

Sự khác nhau trong việc xác định phạm vi nội dung hoạt động BTT ở các văn bản đã gây không ít khó khăn cho các tổ chức khi thực hiện loại hình hoạt động này. Luật TCTD 2010 là văn bản mới nhất xác định các nội dung liên quan đến hoạt động ngân

hàng trong đó có hoạt động BTT, tuy nhiên Luật chỉ quy định về khái niệm hoạt động BTT, không có nội dung hướng dẫn cụ thể về hoạt động này. Thực tế đó dẫn đến Quy chế về hoạt động BTT được xây dựng trên cơ sở Luật TCTD năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004 với quy định cụ thể chi tiết về các nội dung của hoạt động BTT vẫn đang được các TCTD dẫn chiếu thực hiện, chưa kể đến việc áp dụng các quy định của các tổ chức BTT quốc tế của các TCTD là thành viên.

Tóm lại, qua việc phân tích khái niệm hoạt động BTT có thể nhận thấy sự thiếu đồng bộ và nhiều điểm hạn chế của pháp luật Việt Nam so với các quy định chung của quốc tế, thể hiện ở một số điểm như sau: (1) Việc coi hoạt động BTT là một hình thức cấp tín dụng đã hạn chế về các chủ thể tham gia cung ứng dịch vụ BTT do không đáp ứng được các yêu cầu về điều kiện chủ thể; (2) Pháp luật Việt Nam đã hạn chế về phạm vi cung cấp dịch vụ khi hoạt động BTT bắt buộc gắn với chức năng tài trợ tín dụng gắn với quyền truy đòi

và không công nhận các chức năng độc lập như quản lý sổ sách, quản lý thu nợ; (3) Sự không rõ ràng khi xác định hiệu lực văn bản (Quyết định số 1096/2004/QĐ-NHNN và Quyết định số 30/2008/QĐ-NHNN) và thiếu hướng dẫn cụ thể với những quy định mới (Luật TCTD năm 2010).

Trước những bất cập trong quy định pháp luật, hoạt động BTT triển khai ở Việt Nam gặp không ít khó khăn. Trên thị trường hoạt động BTT chỉ được cung cấp

hạn chế bởi các TCTD là các ngân hàng thương mại do xác định hoạt động BTT là hoạt động cấp tín dụng chỉ có TCTD mới được thực hiện, các tổ chức có tiềm lực tài chính, kinh nghiệm trên thị trường không có cơ chế để tham gia cung ứng dịch vụ này. Tiếp đó, quy định về bảo lưu quyền truy đòi trong Luật

**...Cùng với việc xác định lại nội dung hoạt động BTT cần quy định mở rộng đối tượng cung ứng dịch vụ BTT, không chỉ có các tổ chức tín dụng mới được phép thực hiện mà có thể cho phép các tổ chức tài chính thành lập các công ty BTT độc lập...**

TCTD 2010 dẫn đến các ngân hàng thương mại đưa ra cách thức thực hiện riêng gây nên sự thiếu đồng bộ, khiến cho hoạt động quản lý của Ngân hàng nhà nước về BTT gặp nhiều khó khăn. Sự không tương thích về xác định nội dung hoạt động BTT với các quy định quốc tế dẫn đến giao dịch BTT quốc tế của các tổ chức Việt Nam gặp không ít khó khăn và giảm tính cạnh tranh trên thị trường, đặc biệt giới hạn trong cung ứng dịch vụ BTT quốc tế. Theo số liệu của Hiệp hội BTT quốc tế, năm 2006, doanh thu BTT nội địa (15 triệu Euro) gấp 15 lần doanh thu BTT quốc tế (1 triệu Euro). Sang năm 2007, doanh thu BTT nội địa (41 triệu Euro) gấp 20,5 lần doanh thu BTT quốc tế (2 triệu Euro). Đến năm 2011, doanh thu BTT quốc tế tuy có sự phát triển nhưng vẫn chỉ đạt 1/2 so với BTT trong nước. Điều đáng nói là, rõ ràng phạm vi hoạt động BTT theo pháp luật Việt Nam giới hạn hơn quy định quốc tế, tuy nhiên website một số ngân hàng thương mại của Việt Nam như Vietcombank lại đang đề cập nội dung cung ứng dịch vụ BTT như

quy định của Hiệp hội Bao thanh toán quốc tế, tổ chức mà Vietcombank là thành viên<sup>(8)</sup>. Thực tế này cho thấy, sự điều chỉnh pháp luật đối với hoạt động BTT trong thời gian vừa qua ở Việt Nam còn chưa phù hợp với thực tế.

Trong tương lai, để tạo động lực cho sự phát triển của hoạt động BTT nói riêng và hoạt động thương mại, đặc biệt thương mại quốc tế nói chung cần có những hoàn thiện từ cơ chế đảm bảo tính hội nhập. Trong phạm vi bài viết này, tác giả đề xuất một số nội dung như sau:

*Thứ nhất*, kiến nghị cần sửa đổi Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 theo hướng mở rộng phạm vi hoạt động BTT theo như quy định pháp luật quốc tế, không bó hẹp là hoạt động cấp tín dụng. Hoạt động BTT nên được ghi nhận là hoạt động tài chính kết hợp việc tài trợ vốn lưu động, phòng ngừa rủi ro tín dụng, theo dõi công nợ và thu hồi nợ.

*Thứ hai*, cùng với việc xác định lại nội dung hoạt động BTT cần quy định mở rộng đối tượng cung ứng dịch vụ BTT, không chỉ có các tổ chức tín dụng mới được phép thực hiện mà có thể cho phép các tổ chức tài chính thành lập các công ty BTT độc lập. Theo nghiên cứu pháp luật và thực tế ở nhiều quốc gia, các đơn vị BTT khá đa dạng, có thể là các ngân hàng, công ty con của các tổ chức tài chính (Nhật Bản, Malaysia, ...), bên cạnh đó cũng có thể mở rộng ra các đối tượng là các công ty con của các tập đoàn lớn hoặc các doanh nghiệp độc lập (Đan Mạch, Italia, ...). BTT nếu còn được coi là hoạt động cấp tín dụng – hoạt động có rủi ro cao thì cần thiết quy định giới hạn chủ thể cung ứng là TCTD để đảm bảo tính an toàn, nhưng cùng với việc mở rộng phạm vi cung ứng dịch vụ trong BTT, các tổ chức có tiềm lực và kinh nghiệm cũng có thể tham gia hoạt động này ở các mức độ khác nhau. Điều này sẽ khiến cho thị trường của hoạt động này phong phú hơn ở cả chủ thể và sản phẩm cung cấp.

*Thứ ba*, Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định khái niệm hoạt động BTT với nhiều nội dung mới so với các văn bản trước đây bao gồm việc mở rộng đối tượng với các khoản phải trả, giới hạn hoạt động BTT phải có bảo lưu quyền truy đòi, nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể các nội dung này cũng như các quy định khác liên quan



đến giao dịch BTT. Đối với các tổ chức đang cung ứng dịch vụ BTT sẽ gặp khó khăn và lúng túng trong việc triển khai hoạt động, áp dụng theo Quy chế cũ hay áp dụng luật mới. Trong trường hợp áp dụng Luật mới thì thực hiện như thế nào là một câu hỏi lớn. Bởi vậy, cần sớm có văn bản hướng dẫn chi tiết các nội dung liên quan đến hoạt động BTT, cụ thể cần ban hành Quy chế hoạt động mới căn cứ theo quy định của Luật Tổ chức tín dụng năm 2010 trong đó quy định cụ thể chi tiết các nội dung liên quan đến hoạt động BTT theo hướng phù hợp với quy định quốc tế, nhằm tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động BTT trong nước phát triển.

Hiện nay, Việt Nam đã gia nhập WTO và là thành viên của các tổ chức, hiệp hội quốc tế, các tổ chức tín dụng trong nước cũng đã tham gia vào sân chơi chung của thị trường BTT quốc tế. Khi gia nhập các tổ chức này, hoạt động BTT quốc tế của các đơn vị BTT sẽ được điều chỉnh bởi các cam kết chung, quy tắc của Hiệp hội, Quy chế BTT và tham khảo luật quốc gia của các đơn vị BTT đại lý. Mâu thuẫn hoặc bất kỳ sự khác biệt nào trong các quy định của pháp luật trong nước với các quy định quốc tế sẽ gây khó khăn cho việc triển khai hoạt động và cạnh tranh của các tổ chức BTT, bởi vậy yêu cầu hoàn thiện quy định pháp luật phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế là một yêu cầu cấp thiết nhằm tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng ■

**Chú thích:**

- 1 Số liệu tổng hợp của Hiệp hội bao thanh toán quốc tế từ hơn 2400 tổ chức bao thanh toán, <http://www.fcni.nl>
- 2 <http://www.fcni.nl/about-fcni/statistics/current-factoring-turnover-by-country>
- 3 <http://www.fcni.nl/about-fcni/statistics/total-factoring-volume-by-country-last-7-years>
- 4 Nghiệp vụ Bao thanh toán – factoring, Nhà xuất bản chính trị Quốc gia, 2005, Ths Nguyễn Quỳnh Loan, trang 3.
- 5 Thường được xác định từ 180 ngày trở xuống
- 6 Theo thống kê của Hiệp hội bao thanh toán quốc tế, năm 2004 Việt Nam chưa có giao dịch bao thanh toán, năm 2005, giá trị giao dịch là 2 triệu EUR, năm 2006 đạt mức 16 triệu EUR, năm 2007 đạt 43 triệu EUR và 2008 đạt 85 triệu EUR
- 7 Luật Tổ chức tín dụng năm 1997, sửa đổi bổ sung năm 2004 không đề cập đến khái niệm hoạt động bao thanh toán
- 8 <http://www.vietcombank.com.vn/Corporate/Factoring/>

## Vietcombank...

(Tiếp theo trang 4)

sông Bến Hải, con sông một thời là ranh giới chia cắt đất nước; Bến Tắt được chọn là nơi đặt đại bản doanh của Bộ Tư lệnh Bộ đội Trường Sơn (Đoàn 559). Sau khi mảnh đất Gio Linh - Quảng Trị được giải phóng, Bộ Tư lệnh 559 đã cho quy tập hài cốt liệt sĩ từ chiến trường nước bạn Lào về nước và Bến Tắt được chọn làm nơi an nghỉ vĩnh hằng của các liệt sĩ Trường Sơn. Bằng sự nỗ lực - tập trung triển khai của chủ đầu tư và các đơn vị tư vấn giám sát, thiết kế, thi công... sau hơn 1 năm, đến nay công trình xây dựng đền tưởng niệm liệt sĩ Trường Sơn - Bến Tắt đã hoàn thành. Đến được xây dựng trên diện tích 3.088m<sup>2</sup> với tổng mức đầu tư 10 tỷ đồng. Tổng thể kiến trúc công trình được thiết kế theo mô thức thờ tự truyền thống gồm ngôi đền chính 3 gian 2 chái, mái ngói hoàng lưu ly; lan can và các bậc lên xuống với đôi rồng chầu hai bên đều bằng đá xanh tạo ra sự vững chãi, trang nghiêm của ngôi đền; bên ngoài có nhà bia lưu danh liệt sĩ, nhà chờ làm nơi tạm nghỉ của khách hành hương trước lúc vào hành lễ đều mang kiểu dáng cổ kính; cổng vào là tứ trụ khắc chạm hoa văn bằng đá nguyên khối đứng uy nghi trước cổng đền...

Với vị thế uy nghi tọa lạc trên đồi cao, phía trước là thượng nguồn sông Bến Hải, trên có cầu treo Bến Tắt (đang được phục dựng), bên phải là hồ nước của Nghĩa trang Trường Sơn, Đài tưởng niệm liệt sĩ Trường Sơn - Bến Tắt cùng với Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn sẽ tạo thành một quần thể không gian văn hóa tâm linh có một không hai nhằm hồi tưởng những kỷ ức bi hùng về đại ngàn Trường Sơn hùng vĩ với con đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại.

"Thật ý nghĩa khi Lễ khánh thành đền tưởng niệm liệt sĩ Trường Sơn - Bến Tắt được diễn ra đúng vào thời điểm toàn Đảng, toàn quân và dân ta kỷ niệm 65 năm ngày Thương binh, liệt sĩ với nhiều hoạt động đến ơn đáp nghĩa nhằm tri ân, tưởng nhớ đến những anh hùng, liệt sĩ, các thương binh, bệnh binh và các gia đình có công với nước. Vietcombank vinh dự và tự hào khi được chung tay, góp sức bằng cả tấm lòng của mình cùng chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Trị xây dựng một không gian thờ vọng nhằm tri

ân, tôn vinh các anh hùng, liệt sĩ, du kích, dân quân, thanh niên xung phong đã mãi mãi nằm lại dãy Trường Sơn mà chưa có mộ ghi danh. Đền tưởng niệm các anh hùng, liệt sĩ Trường Sơn tại Bến Tắt, Quảng Trị không chỉ là một công trình văn hóa lịch sử có ý nghĩa về chính trị, tâm linh mà còn có ý nghĩa to lớn trong việc giáo dục truyền thống cách mạng, lòng tự hào dân tộc cho các thế hệ hôm nay và mai sau: hãy sống có trách nhiệm và biết nâng niu, trân trọng những giá trị cao đẹp của quá khứ để hướng tới một tương lai tươi sáng", Chủ tịch HĐQT Vietcombank Nguyễn Hoà Bình nói.

Đánh giá về việc làm của Vietcombank, Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Trị, ông Nguyễn Đức Chính cho rằng đó là "việc làm có ý nghĩa chính trị - xã hội và nhân văn sâu sắc, thể hiện đạo lý "Uống nước nhớ nguồn" của những người đang sống đối với những người đã khuất, đã hy sinh vì sự trường tồn của dân tộc. "Thay mặt Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Quảng Trị, tôi xin trân trọng cảm ơn Lãnh đạo, cán bộ nhân viên Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam đã đóng góp công sức, tiền của, xây dựng Đền tưởng niệm liệt sĩ Trường Sơn - Bến Tắt, một công trình được xây dựng bằng tất cả tấm lòng thành kính tri ân... UBND tỉnh sẽ giao Sở Văn hoá - Thể thao & Du lịch; Trung tâm Bảo tồn Di tích và Danh thắng tỉnh phối hợp chặt chẽ với Sở Lao động - Thương binh & Xã hội cùng các cơ quan, địa phương liên quan tổ chức quản lý, khai thác sử dụng hiệu quả nhất công trình có ý nghĩa này", ông Chính khẳng định.

Chiến tranh đã qua đi, mảnh đất Quảng Trị đã và đang hồi sinh, hòa mình với nhịp phát triển của đất nước. Sự hy sinh của các anh, các chị mãi là "bài ca không bao giờ quên", Tổ quốc ghi công, nhân dân đời đời nhớ ơn các anh, các chị. Mong các anh, các chị hãy yên nghỉ vĩnh hằng trong lòng đất mẹ thân yêu. Những thế hệ hôm nay luôn khắc sâu, ghi nhớ công ơn của các anh, các chị - những người đã nằm xuống để đất nước vươn mình đứng dậy.... ■

**HỒNG QUANG - ĐẶNG THÀNH**